

Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất



Tên sản phẩm:

Bộ khởi động chất liệu đồng

Số tài liệu: LB01-00411

Lần phát hành: I

Ngày sửa đổi: 30 tháng 8 năm 2021

Được biên soạn theo Quy định REACH (EC) số 1907/2006, có sửa đổi theo Quy định REACH của Vương quốc Anh SI 2019/758
Được soạn thảo theo GB CLP, là Quy định CLP được lưu giữ (EU) số 1272/2008, theo sửa đổi dành cho Đảo Anh

I		PHẦN 1: NHẬN DẠNG CHẤT / CHẾ PHẨM VÀ CÔNG TY	
1.1	Mã số nhận dạng sản phẩm	Tên chất: Bộ khởi động chất liệu đồng (Phốt pho đỏ) Số EC: 231-768-7 Số CAS: 7723-14-0 Số chỉ mục: 015-002-00-7 Số đăng ký REACH: 01-2119489913-23-XXXX	
	Mã nhận dạng công thức duy nhất (UFI)	Không áp dụng do chất này không phải là hỗn hợp	
1.2	Các trường hợp sử dụng chất hoặc hỗn hợp được xác định là phù hợp và chống chỉ định	Các trường hợp sử dụng được xác định là phù hợp: Cơ chế kích hoạt Chống chỉ định: Không có dữ liệu Lý do chống chỉ định: Không có dữ liệu	
1.3	Thông tin chi tiết về nhà cung cấp bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất	Molecular Products Ltd Parkway, Harlow Business Park, Harlow, Essex, CM19 5FR, Vương quốc Anh +44 (0) 1279 445111 (I) sds@molprod.com (I) Chỉ hoạt động trong giờ làm việc 0900 – 1700 GMT	
1.4	Số điện thoại khẩn cấp	+44 (0)1865 407333 (24 giờ, sử dụng Tiếng Anh) +86 400 120 6011 (Trung Quốc) +52 555 004 8763 (Mexico) +56 225 829 336 (Chile) +55 11 3197 5891 (Brazil)	

2		PHẦN 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY		
2.1	Phân loại chất hoặc hỗn hợp			
2.1.1	Phân loại theo Quy định (EC) Số 1272/2008 (CLP/GHS)	Không được phân loại		
2.1.2	Xem mục 16 để biết toàn bộ nội dung của tuyên bố H			
2.2	Các thành phần của nhãn			
2.2.1	Ghi nhãn theo Quy định của EC số 1272/2008 (CLP/GHS)			
	Biểu tượng cảnh báo mối nguy	Không có	Từ hiệu	Không có
	Tuyên bố về mức độ nguy hại	Không có		
	Tuyên bố về biện pháp phòng ngừa	Không có		
	Thông tin bổ sung về mối nguy (EU):	Không có		
2.3	Các mối nguy khác			
	Chưa rõ			

3		PHẦN 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN						
3.2	Hỗn hợp							
	Đặc điểm hóa học	Một sản phẩm chứa phốt pho đỏ, kính mờ và keo						
	Tên hóa học	Số CAS	Số chỉ mục	Số đăng ký REACH	Số EC	Phân loại	% [trọng lượng]	SCL, Hệ số M, ATE
	Phốt pho (đỏ) **	7723-14-0	015-002-00-7	01-2119489913-23-XXXX	231-768-7	Chất rắn dễ cháy I H228 Tính độc hại với sinh vật dưới nước mạn tính 3 H412	< 0,1% w/w	Không có dữ liệu

4		PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU	
---	--	------------------------------	--

4.1	Mô tả các biện pháp	
	Lưu ý chung	
	Sau khi hít phải	Không phải là con đường phơi nhiễm thường gặp
	Sau khi tiếp xúc với da	Rửa những vùng da tiếp xúc bằng xà phòng và nhiều nước. Nếu cần, hãy tìm tư vấn y tế
	Sau khi tiếp xúc với mắt	Ngay lập tức rửa kỹ mắt bằng nhiều nước cho đến khi giảm kích ứng; nếu cần, hãy tham khảo ý kiến của bác sĩ chuyên khoa mắt/nhân khoa
	Sau khi nuốt phải	Nếu nuốt phải sản phẩm, KHÔNG kích thích nôn mửa. Hãy uống nhiều nước; tìm tư vấn y tế, nếu cần
	Bảo vệ bản thân nhân viên sơ cứu	Nếu bầu không khí có nhiều bụi, hãy đảm bảo rằng có đủ LEV (thông khí cục bộ) hoặc sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp.
4.2	Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và diễn tiến chậm	Ít có nguy cơ đối với sức khỏe, trừ khi ăn phải số lượng lớn hơn 10 đầu que diêm
4.3	Chỉ định ngay bất kỳ biện pháp chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt, nếu cần	Phương pháp điều trị như mô tả ở trên

5	PHẦN 5: CÁC BIỆN PHÁP CỨU HỎA	
5.1	Phương tiện dập lửa	Phương tiện dập lửa phù hợp: Chỉ nước là thích hợp. Phương tiện dập lửa không phù hợp: Không sử dụng bọt
5.2	Các mối nguy đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp	Có thể gây cháy hoặc nổ nếu tiếp xúc với vật liệu dễ cháy. Thùng chứa ở gần nguồn nhiệt cần được loại bỏ hoặc làm mát bằng nước Sản phẩm cháy gây nguy hiểm: oxit photpho
5.3	Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa	Có thể phải đeo thiết bị thở độc lập, đi ủng và đeo găng tay

6	PHẦN 6: CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TAI NẠN	
6.1	Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình cấp cứu	Dành cho nhân viên không thực hiện cấp cứu: - Thiết bị bảo vệ: Tuân thủ các biện pháp bảo vệ cá nhân. Tránh hít phải bụi, tránh tiếp xúc da và mắt với vật liệu ở đầu - Các quy trình cấp cứu: Không có dữ liệu Dành cho nhân viên cấp cứu: Tuân thủ các biện pháp bảo vệ cá nhân. Tránh hít phải bụi, tránh tiếp xúc da và mắt với vật liệu ở đầu
6.2	Biện pháp phòng ngừa hiểm họa môi trường	Không cho phép chất này chảy vào nước thải hoặc đường nước; nếu điều này xảy ra, hãy thông báo cho cơ quan cấp nước liên quan ngay lập tức
6.3	Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và thu dọn	Để ngăn chặn: Không có dữ liệu Để thu dọn: Trong trường hợp bị tràn/đổ, hãy đổ cát ẩm vào và thu dọn bằng phương pháp cơ học (ví dụ: quét hoặc hút bụi) vào các vật chứa đậy kín. Tuân thủ các biện pháp bảo vệ cá nhân. Dán nhãn cho vật chứa và xử lý theo quy định. Không quét bụi khô vì có nguy cơ bắt lửa Thông tin khác: Không có dữ liệu
6.4	Tham chiếu đến các phần khác	Tham khảo phần 8 để biết về thiết bị bảo hộ cá nhân

7	PHẦN 7: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN	
7.1	Biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn	Biện pháp bảo vệ: Xử lý theo biện pháp hiệu quả về vệ sinh và an toàn. Tránh ánh nắng trực tiếp hoặc nhiệt và không đánh rơi Các biện pháp phòng cháy: Bảo quản tránh xa các vật liệu dễ cháy hữu cơ, oxy hóa và axit mạnh Các biện pháp ngăn ngừa tạo sol khí và bụi: Các biện pháp bảo vệ môi trường: Không có dữ liệu Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp chung: Không có dữ liệu
7.2	Điều kiện bảo quản an toàn	Biện pháp kỹ thuật và bảo quản: Không có dữ liệu Vật liệu đóng gói: Không có dữ liệu Yêu cầu đối với phòng bảo quản và bồn chứa: Đảm bảo thông gió đầy đủ cho khu vực bảo quản. Đóng kín chặt dụng cụ chứa và để ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp Cấp độ bảo quản: Không có dữ liệu
7.3	(Các) cách sử dụng cụ thể ở công đoạn cuối cùng	Khuyến nghị: Giống như diêm an toàn, diêm photpho, dụng cụ kích hoạt máy tạo oxy Giải pháp cụ thể theo ngành:

8	PHẦN 8: CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN							
8.1	Không có sẵn dữ liệu OEL. Tuân thủ phương pháp thực hành tốt							
	Tên chất	Photpho (đỏ)						
	Số EC	231-768-7	Số CAS	7723-14-0				
	Mức không gây ảnh hưởng của hóa chất (DNEL)							
	Người lao động				Người tiêu dùng			
	Con đường phơi nhiễm	Ảnh hưởng cấp tính tại	Ảnh hưởng cấp tính	Ảnh hưởng mạn tính	Ảnh hưởng cấp tính tại	Ảnh hưởng cấp tính	Ảnh hưởng mạn tính tại	Ảnh hưởng mạn tính toàn thân

		chỗ	toàn thân	mạn tính tại chỗ	toàn thân	chỗ	toàn thân	chỗ	
	Qua miệng	Không yêu cầu				Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	30 mg/m ³
	Hít phải	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	4 mg/m ³	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	4 mg/m ³
	Qua da	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	30 mg/m ³	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	30 mg/m ³
Nồng độ dự báo không gây ảnh hưởng (PNEC)									
	Mục tiêu bảo vệ môi trường					Nồng độ dự báo không gây ảnh hưởng (PNEC)			
	Nước ngọt					10,5 µg/L			
	Cặn nước ngọt					100 mg/kg trọng tải khô			
	Nước biển					1,05 µg/L			
	Trầm tích nước biển					10 mg.kg trọng tải khô			
	Chuối thực phẩm					Không có dữ liệu			
	Vi sinh vật trong xử lý nước thải					10 mg/L			
	Đất (nông nghiệp)					12,5 mg/kg trọng tải khô của đất			
	Không khí					Không có dữ liệu			
8.2	Các biện pháp kiểm soát phơi nhiễm								
	Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật thích hợp	Các biện pháp liên quan đến chất/hỗn hợp để ngăn ngừa phơi nhiễm trong các trường hợp sử dụng đã xác định: Các biện pháp có cấu trúc để ngăn ngừa phơi nhiễm: Cung cấp hệ thống thông khí đầy đủ (ví dụ: thông khí cục bộ) Các biện pháp có tổ chức để ngăn ngừa phơi nhiễm: Các biện pháp kỹ thuật để ngăn ngừa phơi nhiễm:							
	Thiết bị bảo hộ cá nhân	Tuân thủ các tiêu chuẩn thông thường để xử lý hóa chất Rửa sạch tay trước khi nghỉ giải lao và sau giờ làm việc Mặt/đeo thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với công việc (xem bên dưới)							
	Bảo vệ mắt và mặt	Thông thường không bắt buộc							
	Bảo vệ da	Bảo vệ tay: Thông thường không bắt buộc (xem xét đánh giá nguy cơ của chính bạn, ví dụ: thời gian chịu hoá chất, tốc độ khuếch tán và phân hủy, các nhiệm vụ được thực hiện) Hình thức bảo vệ da khác: Quần áo bảo hộ							
	Bảo vệ đường hô hấp	Mặt nạ chống bụi được phê duyệt (khuyến dùng nếu xử lý số lượng lớn)							
	Mối nguy về nhiệt	Nhiệt độ tự bốc cháy của phốt pho đỏ là khoảng 100°C							
	Các biện pháp kiểm soát phơi nhiễm môi trường	Không có dữ liệu							

9	PHẦN 9: TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC			
9.1	Thông tin về các tính chất vật lý và hóa học cơ bản			
	Trạng thái vật lý	Dạng bột đặc, có màu đỏ nhạt đến nâu đỏ sẫm	Màu sắc	Đỏ gạch
	Mùi	Không mùi	Độ pH	Khoảng 3
	Điểm/phạm vi phân hủy	Khoảng 300°C	Điểm/phạm vi nóng chảy	Khoảng 600°C tại 42 bar
	Điểm bốc cháy	Không áp dụng	Mật độ tương đối	2,2 kg/L
	Độ hoà tan	< 0,3 mg/L ở 20°C	Mùi	Không có dữ liệu
	Tốc độ bay hơi	Không áp dụng	Tính dễ bốc cháy	Cực kỳ dễ bắt lửa
	Giới hạn nổ	Không nổ	Áp suất hơi	Khoảng 0,1 bar ở 300°C
	Mật độ hơi tương đối	Không áp dụng	Hệ số phân tán LogPoct/nước	Không áp dụng
	Nhiệt độ tự bốc cháy	Khoảng 100°C	Độ nhớt động học	Không áp dụng
	Tính chất dễ nổ	Không nổ	Tính chất oxy hoá	Không oxy hoá
	Nhiệt độ phân hủy	Khoảng 300°C	Đặc tính hạt	
9.2	Thông tin khác			

10	PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG	
10.1	Độ phản ứng	Vật liệu bị phân hủy để tạo ra oxit phốt pho khi đun nóng hoặc đốt cháy
10.2	Độ ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện xử lý bình thường
10.3	Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm	Phản ứng trùng hợp nguy hiểm không xảy ra
10.4	Các điều kiện cần tránh	Có thể bắt lửa do ma sát hoặc va đập. Có thể cháy nếu có nhiên liệu, chất oxy hóa hoặc vật liệu hữu cơ
10.5	Vật liệu không tương thích	Như trên

10.6	Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Oxit photpho
------	---------------------------------	--------------

11 PHẦN 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH							
11.1 Thông tin về các loại mối nguy như được định nghĩa trong Quy định (EC) Số 1272/2008							
	Loại mối nguy	Phương pháp	Giống loài	Con đường phơi nhiễm	Liều có hiệu lực	Thời gian phơi nhiễm	Kết quả
	Độc tính cấp tính	LD ₅₀	Chuột (đực/cái)	Qua miệng	> 10.000 mg/kg thể trọng		Có rất ít dữ liệu về photpho đỏ
	Ăn mòn/kích ứng da	Không gây kích ứng					
	Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Không gây kích ứng					
	Mẫn cảm với hệ hô hấp hoặc da	Không có dữ liệu					
	Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không gây đột biến					
	Độc tính sinh sản	Không có dữ liệu					
	STOT-phơi nhiễm một lần	Không có dữ liệu					
	STOT-phơi nhiễm nhiều lần	Không có ở quy mô hệ thống.					
	Mối nguy khi hít phải	Không có dữ liệu					
11.2	Thông tin về các mối nguy khác	Không có dữ liệu					

12 PHẦN 12: THÔNG TIN SINH THÁI		
12.1 Độc tính		
	Độc tính cấp tính (ngắn hạn)	Cá: LC50, Cá sọc ngựa (<i>Danio rerio</i>) > 33,2 mg/L Loài giáp xác: EC50 Rận nước (<i>Daphnia magna</i>) 10,5 mg/L Tảo/thực vật thủy sinh: EC50 Tảo lục (<i>Scenedesmus subspicatus</i>) 18,3 mg/L Các sinh vật khác: Vi sinh vật EC50 1000 mg/L
	Độc tính cấp tính (dài hạn)	Cá: Không có dữ liệu Loài giáp xác: Không có dữ liệu Tảo/thực vật thủy sinh: EC50 Tảo lục (<i>Scenedesmus subspicatus</i>) 18,3 mg/L NOEC Tảo lục (<i>Scenedesmus subspicatus</i>) 5 mg/L Các sinh vật khác: Không có dữ liệu
12.2	Độ bền và độ phân hủy	Phân hủy phi sinh học: Không có dữ liệu Loại bỏ hóa lý và quang hóa: Không có dữ liệu Phân hủy sinh học: Không có dữ liệu
12.3	Khả năng tích tụ sinh học	Hệ số phân tán -n-Octan/nước (log Kow): Không có dữ liệu Hệ số tập trung sinh học (BCF): không có dữ liệu
12.4	Tính lưu động trong đất	Phân bố đã biết hoặc có thể dự đoán vào các yếu tố môi trường: Không có dữ liệu Sức căng bề mặt: Không có dữ liệu Hấp phụ/Giải hấp Không có dữ liệu
12.5	Kết quả đánh giá PBT (Khó phân hủy, tích tụ sinh học, độc) và vPvB (Rất khó phân hủy, tích tụ sinh học rất nhiều)	Không áp dụng
12.6	Đặc tính gây rối loạn nội tiết	Không áp dụng
12.7	Các ảnh hưởng bất lợi khác	Chưa rõ

13 PHẦN 13: CÁC CÂN NHẮC THẢI BỎ		
13.1 Các phương pháp xử lý chất thải		
	Thải bỏ sản phẩm/bao bì	Nếu có thể, hãy tái chế thông qua nhà cung cấp hoặc công ty tái chế được phê duyệt. Nếu không (ví dụ: nếu được coi là chất thải), hãy xử lý theo quy định của chính quyền quốc gia và địa phương, chẳng hạn như Quy định về chất thải nguy hại (Anh và xứ Wales) năm 2005. Theo luật lệ của Vương quốc Anh, vật liệu này là chất thải đặc biệt. Xử lý các vật chứa rỗng theo cách thức giống như với sản phẩm. Nếu có thể, hãy rửa kỹ và tái chế

		Mã chất thải/ký hiệu chất thải theo LoW (Luật quản lý chất thải): Không có dữ liệu
	Thông tin liên quan đến xử lý chất thải	Không có dữ liệu
	Thông tin liên quan đến xử lý nước thải	Không có dữ liệu
	Khuyến nghị khác về thải bỏ	Không có dữ liệu

14 PHẦN 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN					
14.1	Số UN hoặc Số ID	Không áp dụng	14.2	Tên vận chuyển phù hợp với UN	Không được phân loại
14.3	Phân loại mối nguy khi vận chuyển	Không áp dụng	14.4	Nhóm đóng gói	Không được phân loại
14.5	Mối nguy đối với môi trường	Sản phẩm không được đánh dấu là chất gây ô nhiễm cho môi trường biển	14.6	Quy trình đặc biệt cho người sử dụng	Không áp dụng
14.7	Vận chuyển số lượng lớn bằng đường biển theo công cụ IMO	Không áp dụng			

15 PHẦN 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH	
15.1	Quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường
	SDS đã được cập nhật theo quy định EC Số 1272/2008 (CLP/GHS)
15.2	Đánh giá an toàn hóa chất
	Không áp dụng

16 PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC	
Thể hiện sự thay đổi	SDS này đã được sửa đổi theo quy định EC Số 1272/2008 (CLP) và để phù hợp với thay đổi trong Phụ lục II của quy định REACH tháng 6/2020.
Từ viết tắt	Không có
Tài liệu tham khảo chính và nguồn dữ liệu	Các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất của các nhà cung cấp khác, Phụ lục VI của Quy định CPL (EC) Số 1272/2008, EH40 (2020)
Tác giả	Tiến sĩ Patricia Wormald, Molecular Products, PW@molprod.com Neil Stearn, Cambridge Environmental Assessments; neil.stearn@cea-res.co.uk
Ngày phát hành	30 tháng 8 năm 2021
	Phân loại theo Quy định (EC) Số 1272/2008
	Quy trình phân loại
Tuyên bố H liên quan (số và bản toàn văn)	H228, Chất rắn dễ cháy H412, Có hại đối với đời sống thủy sinh và ảnh hưởng kéo dài
Tư vấn đào tạo	Không có
Thông tin bổ sung	Tuân thủ quy định COSHH Chứa 0,1 g phốt pho vô định hình (UN1338) cho mỗi dụng cụ kích hoạt. Không phải tuân thủ quy định theo IATA 2.6.10 'De Minimis' Thông tin này dựa trên tình trạng hiểu biết hiện tại của chúng tôi và được xây dựng để mô tả sản phẩm từ góc độ yêu cầu an toàn. Thông tin này sẽ không được hiểu là lời đảm bảo cho các vấn đề cụ thể